

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1665 /UBND-NC

Bàu Bàng, ngày 19 tháng 6 năm 2019

V/v triển khai thực hiện
Quyết định số 07/2019/QĐ-
UBND ngày 05/4/2019 của
Ủy ban nhân dân tỉnh

Kính gửi:

- Các cơ quan, phòng ban, khối Đảng, đoàn thể, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

Đề nghị các cơ quan, phòng ban, khối Đảng, đoàn thể, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Nội vụ) để xem xét, hướng dẫn giải quyết.

(Đính kèm Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)./..w

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND huyện;
- Như trên;
- Lưu: VT. w, vR

CHỦ TỊCH



Lê Khắc Tri

Số: 07/2019/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 05 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 111/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày hưởng ứng của các bộ, ngành, địa phương;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 52/TTr-SNV ngày 06 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.



Điều 2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng) chịu trách nhiệm triển khai, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2019 và thay thế các Quyết định sau: Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về khen thưởng, tôn vinh, công nhận danh hiệu “Chủ trương trại tiêu biểu tỉnh Bình Dương” và Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định đối tượng, tiêu chí, trình tự thủ tục xét khen thưởng danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc”, “Doanh nhân xuất sắc” trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận: *LT*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP;
- Ban TĐKT Trung ương;
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo;
- Đài PTTH, Báo BD, Website tỉnh;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- LĐVP, TH, HC;
- Lưu: VT, Lh. *LT*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /2019/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương, bao gồm: nguyên tắc thi đua, khen thưởng; hình thức, nội dung tổ chức các phong trào thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn, cơ cấu, tỷ lệ xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định, đề nghị, xét duyệt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công dân Việt Nam, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài tham gia phong trào thi đua đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cá nhân người lao động trực tiếp là người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, bao gồm: công nhân, nông dân, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động.
2. Hiệp ý khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ trước khi quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.
3. Năm tròn là năm có chữ số cuối cùng là "0".

Điều 4. Nguyên tắc, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua:

- a) Tự nguyện, công khai, đoàn kết, cùng phát triển.
- b) Danh hiệu thi đua được xét dựa trên thành tích đạt được trong phong trào thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.
- c) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: việc xét tặng danh hiệu thi đua căn cứ nội dung đăng ký thi đua và thành tích đạt được của cá nhân.
2. Nguyên tắc, căn cứ xét khen thưởng:
- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.
- b) Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được.
- c) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được; thành tích đạt được tiêu biểu ở cấp nào thì cấp đó khen thưởng, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hộ gia đình, nhân dân. Đặc biệt quan tâm khen thưởng, động viên đối với các tập thể, cá nhân trong điều kiện thực hiện nhiệm vụ khó khăn nhưng năng động, sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thành tích có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn.
- d) Đối với tập thể, cá nhân, trong một năm chỉ đề nghị tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng (trừ khen thưởng đột xuất).
- đ) Tập thể và người đứng đầu các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương tham gia cụm, khối thi đua của tỉnh, do cụm, khối thi đua bình xét, suy tôn và đề nghị khen thưởng thông qua hoạt động thi đua theo cụm, khối.
- e) Khi xét khen thưởng thành tích toàn diện đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải xem xét đến thành tích của tập thể do người đó phụ trách, người đứng đầu tập thể chỉ được khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng khi tập thể do người đó phụ trách được đánh giá công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (trừ khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến).

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động, chỉ đạo toàn diện phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn: Chịu trách nhiệm phát động các phong trào thi đua, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát phong trào thi đua và công tác khen thưởng thuộc phạm vi quản lý; chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; chủ động phát hiện tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh có trách nhiệm tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, những mô hình mới, cách làm hay để phổ biến, nhân rộng trong cộng đồng; phát hiện và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được báo chí, truyền thông tôn vinh.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Trách nhiệm của Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh):

a) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua trong toàn quốc của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của tỉnh, giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

b) Giúp Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; thẩm định thành tích, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định.

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các cơ quan thông tin đại chúng để phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến; theo dõi, hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động cụm, khối thi đua và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đăng ký, ký kết giao ước thi đua của các cấp, các ngành, các đơn vị, địa phương trong tỉnh.

d) Thực hiện công tác kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương:

Tham mưu lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương và triển khai các phong trào thi

đưa do cấp trên phát động; tham mưu sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: Văn phòng sở, các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; các tổ, đội thuộc chi cục và tương đương có số lượng công chức, viên chức, người lao động từ 30 người trở lên.

b) Đối với cấp huyện gồm: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; các phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc cấp huyện; các Ban Đảng, đoàn thể cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành; trường học, bệnh viện, phòng khám đa khoa khu vực và tương đương; các khoa, phòng và tương đương thuộc các trường cao đẳng, đại học.

d) Đối với doanh nghiệp tham gia cụm, khối thi đua của tỉnh gồm:

- Tổng Công ty: xét tặng cho các phòng, ban trực thuộc;

- Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: xét tặng cho các phòng, ban, xí nghiệp, phân xưởng sản xuất và tương đương.

2. Không xét danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” đối với các đơn vị tại điểm a khoản 1 Điều này có số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dưới 05 người.

Điều 8. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đối tượng:

a) Đơn vị xuất sắc dẫn đầu các cụm, khối thi đua của tỉnh.

b) Các đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua do tỉnh phát động.

2. Tiêu chuẩn:

a) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cho tập thể hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm, có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong tỉnh học tập, nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

b) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh trong các phong trào thi đua chuyên đề thực hiện theo văn bản hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh trong từng phong trào cụ thể.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho các cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong số những cá nhân 03 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; có 01 sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu được cơ quan có thẩm quyền công nhận.
2. Công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp có giải pháp, công trình nghiên cứu, ứng dụng, phát minh, sáng chế... có giá trị làm lợi bằng tiền từ 500 triệu đồng trở lên/năm (do thủ trưởng đơn vị, địa phương xác nhận).

Điều 10. Huy hiệu tỉnh Bình Dương

Huy hiệu “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Bình Dương” xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích đóng góp cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh. Nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Huy hiệu thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 11. Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Để cổ vũ, động viên các tập thể năng động, sáng tạo trong lao động, sản xuất, kinh doanh và công tác, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bức trướng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp nhân dịp lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp (năm tròn hoặc năm lẻ 5).
2. Tiêu chuẩn xét tặng: Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có quá trình hình thành và phát triển từ 15 năm trở lên, có nhiều thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, kinh doanh và trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Trường hợp đặc biệt, Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG VÀ CƠ CẤU, TỶ LỆ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 12. Giấy khen

1. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng thưởng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích đột xuất, dũng cảm cứu người, cứu tài sản; gương người tốt, việc tốt, có thành tích đạt được trong công tác, trong các đợt thi đua ngắn hạn, đợt

thi đua theo chuyên đề; tập thể, cá nhân ngoài cơ quan, đơn vị, địa phương có nhiều đóng góp cho cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn hạn, đợt thi đua theo chuyên đề hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

2. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương; mức đóng góp do từng địa phương căn cứ thực tế để quy định cụ thể.

Điều 13. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng đột xuất

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt.

b) Cá nhân đạt giải nhất cấp tỉnh hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi, hội thi cấp quốc gia hoặc giải khuyến khích cấp quốc tế; thành tích để xét khen thưởng phải cao hơn so với thành tích đạt được trước đó. Trường hợp đã được cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương khen thưởng thì không đề nghị tặng Bằng khen cấp tỉnh.

c) Tập thể, cá nhân có đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

d) Đơn vị, cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp bằng tiền, vật chất và công sức phục vụ chương trình, mục tiêu trọng điểm, các phong trào từ thiện xã hội do địa phương phát động có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên đối với tập thể đơn vị và 100 triệu đồng trở lên đối với cá nhân (được tính cộng dồn đóng góp nhiều lần trong 01 năm).

2. Khen thưởng theo phong trào hoặc chuyên đề

a) Đối với những phong trào, chuyên đề có phạm vi rộng trong toàn tỉnh (có văn bản chỉ đạo của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh), khi tiến hành sơ kết, tổng kết, cơ quan, đơn vị chủ trì lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tặng Bằng khen, trong đó ưu tiên khen thưởng cho các tập thể nhỏ, cá nhân người lao động trực tiếp thực hiện chuyên đề.

b) Đối với những phong trào do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động từ 01 năm trở lên (có gửi kế hoạch phát động, sơ kết, tổng kết về cơ quan Thường trực

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh), khi tổng kết phong trào, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

c) Các tập thể, cá nhân chỉ được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thành tích thực hiện chuyên đề, phong trào thi đua không quá 01 lần trong 01 năm.

3. Khen thưởng thành tích đối ngoại

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong việc xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác giữa địa phương và các quốc gia khác hoặc có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương.

4. Khen thưởng theo thành tích đạt được (tổng kết năm công tác)

a) Đối với cá nhân

- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt tiêu chuẩn hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến, giải pháp được cơ sở công nhận;

- Cá nhân là lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương được tặng Cờ thi đua hoặc Bằng khen dựa trên kết quả bình xét, suy tôn theo cụm, khối thi đua của tỉnh;

- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho doanh nhân xuất sắc được xét chọn hàng năm theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đối với tập thể

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tập thể; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể;

- Tập thể được bình xét, suy tôn theo cụm, khối thi đua của tỉnh.

5. Khen thưởng theo công trạng

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng 01 lần cho cá nhân (cán bộ, công chức, viên chức, người lao động) có quá trình công tác từ 20 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, có

thành tích, đóng góp hoặc sáng tạo trong các phong trào thi đua, trong công tác, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương;

Đối tượng đề nghị khen thưởng theo công trạng là những cá nhân chưa được tặng bất kỳ hình thức khen thưởng từ Bằng khen cấp tỉnh trở lên.

Điều 14. Tỷ lệ, cơ cấu xét danh hiệu thi đua, khen thưởng tổng kết công tác hàng năm

1. Tỷ lệ xét danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”: Không quy định tỷ lệ, tuy nhiên để tránh việc cào bằng trong xét khen thưởng, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ kết quả hoàn thành nhiệm vụ và quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cho phù hợp.

b) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”: chọn không quá 80% trong tổng số tập thể phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

c) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”: chọn và đề nghị không quá 30% trong tổng số tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” quy định tại Điều 7 của Quy định này.

d) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: chọn không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

2. Tỷ lệ xét khen thưởng

a) Giấy khen: Do các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ thực tế phong trào thi đua, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quỹ thi đua, khen thưởng để xét tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Đối với cá nhân: chọn và đề nghị không quá 30% trong tổng số cá nhân hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có 02 sáng kiến được cơ sở công nhận;

- Đối với tập thể: chọn và đề nghị không quá 30% trong tổng số tập thể hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Khi tính tỷ lệ để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một).

4. Cơ cấu xét khen thưởng

Nhằm thúc đẩy phong trào thi đua trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, việc xét khen thưởng tổng kết công tác hàng năm yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các đối tượng, bình đẳng, dân chủ, công khai trong xét khen thưởng. Mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thành tích trong công tác đều được xem xét khen thưởng. Căn cứ chức

năng, nhiệm vụ được giao và thành tích đạt được, phân định thành các nhóm xét khen thưởng, như sau:

a) Nhóm 1: Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương);

b) Nhóm 2: Cán bộ, công chức giữ chức vụ quản lý (Trưởng, phó các phòng, ban và tương đương; trưởng, phó các phòng và tương đương thuộc các chi cục, đơn vị thuộc sở, ban, ngành và tương đương);

c) Nhóm 3: Công chức, viên chức không giữ chức vụ (chuyên viên, cán sự, nhân viên, người lao động).

Tỷ lệ nhóm 1 và nhóm 2 không quá 40% trong tổng số cá nhân được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ÁP DỤNG VÀ PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÁC CẤP

Điều 15. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ là Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 16. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn (gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương)

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

b) Căn cứ tình hình thực tế, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành phần, số lượng thành viên Hội đồng. Trong đó, Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo phòng, ban làm công tác thi đua, khen thưởng, đại diện Mặt trận Tổ quốc, tổ chức Công đoàn, các thành viên khác gồm đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và phòng, ban chuyên môn.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng:

a) Tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt và đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định.

c) Tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 17. Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp

1. Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp do người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập.

2. Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp có nhiệm vụ tham mưu giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét và công nhận hiệu quả áp dụng thực tiễn và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 18. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng Cờ thi đua, Huy hiệu, Bằng khen, Bức trướng và công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp quyết định tặng Giấy khen,

công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

4. Giám đốc hợp tác xã trực tiếp quản lý xã viên, người lao động làm việc tại các cơ sở hợp tác xã: nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại... quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Điều 19. Trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài và Nghị định số 111/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày hưởng ứng của các bộ, ngành, địa phương.

2. Việc trao tặng được tổ chức vào dịp ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước, ngày truyền thống của ngành, ngày thành lập, ngày sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, tổng kết ngành của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đối với các trường hợp khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, khen thưởng cấp Nhà nước, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng để tổ chức trao tặng trang trọng, ý nghĩa.

Điều 20. Tuyển trình khen thưởng

Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và một số quy định cụ thể sau:

1. Cấp nào, cơ quan nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương, cơ quan đó xét, công nhận các danh hiệu thi đua và quyết định khen thưởng, trao thưởng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên xét, công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

2. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

3. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

4. Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng và đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với các đối tượng: Liên đoàn Lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn khu công nghiệp Việt Nam - Singapore; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị trên.

5. Đối với doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập do doanh nghiệp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

6. Đối với các đơn vị thuộc ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do bộ, ngành Trung ương quản lý về tổ chức, biên chế thì do cơ quan cấp trên của các đơn vị đó xét công nhận danh hiệu thi đua và đề nghị khen thưởng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xem xét khen thưởng chuyên đề, đột xuất về thành tích tham gia phong trào thi đua do tỉnh phát động và khen thưởng cho một số tập thể cá nhân tiêu biểu, xuất sắc, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

7. Các tập thể, cá nhân thuộc các bộ, ngành Trung ương; các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, tập đoàn kinh tế... do Trung ương thành lập và quản lý, có nhiều đóng góp cho sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định khen thưởng hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc hoặc đóng góp lớn cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương (kể cả đối tượng là người nước ngoài) thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng.

8. Đối với những đơn vị thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động, khi trình các hình thức khen thưởng cấp tỉnh trở lên cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong báo cáo thành tích phải kê khai rõ số tiền thuế đã nộp; cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động, nộp đúng thời hạn và xác nhận không vi phạm về bảo vệ môi trường.

Điều 21. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh):

a) Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Huy hiệu, Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các trường hợp do bộ, ngành, đoàn thể Trung ương đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến hiệp ý, xác nhận thành tích cho các tập thể và người đứng đầu các tập thể thuộc tỉnh để đề nghị bộ, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 22. Tổ chức cụm, khối thi đua

1. Căn cứ hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về tổ chức, hoạt động của các cụm, khối thi đua theo quy định.

2. Các đơn vị, địa phương khi xây dựng các quy định, quy chế khen thưởng hoặc các chương trình, kế hoạch phát động phong trào thi đua của ngành, đơn vị, địa phương và dự kiến đề xuất khen thưởng thì lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để được hướng dẫn về đối tượng, tiêu chí, tiêu chuẩn khen thưởng nhằm đảm bảo thống nhất quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên toàn tỉnh.

Điều 23. Thủ tục, hồ sơ khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh.

2. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng. Nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo các mẫu (từ số 01 đến số 09) Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân phải có quyết định hoặc xác nhận của cơ quan quản lý cấp trên đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

a) Việc đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với cá nhân do người đứng đầu đơn vị thực hiện theo quy định của Chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

b) Tiêu chí đánh giá để xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể do Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét điều kiện thực tế để quy định cụ thể.

Điều 24. Quản lý lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương để thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc xác nhận khen thưởng khi đòi tượng yêu cầu.
2. Công tác lưu trữ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ.

Điều 25. Quy định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Đối với khen thưởng tổng kết công tác hàng năm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Thời gian giải quyết là 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định; trường hợp cần thẩm định, lấy ý kiến thì thời hạn giải quyết không quá 20 ngày.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày dự kiến tổ chức hội nghị tổng kết, trao thưởng ít nhất 15 ngày và trước ngày 28 tháng 02 hàng năm, riêng ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 15 tháng 8 hàng năm. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh không xem xét giải quyết đối với hồ sơ gửi trễ so với thời gian quy định. Cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng chậm trễ thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đó phải chịu trách nhiệm.

2. Đối với khen thưởng thành tích công tác hàng năm thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước, các đơn vị, địa phương gửi hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 15 tháng 3 hàng năm. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 31 tháng 8 hàng năm (trừ hình thức khen thưởng đột xuất).

3. Đối với khen thưởng đột xuất: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 02 ngày làm việc (không tính thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định).

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC TRÍCH VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 26. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) quản lý; quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý.

Quỹ thi đua, khen thưởng cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm, từ nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức cho mục đích thi đua, khen thưởng và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Mức trích quỹ thi đua, khen thưởng:

a) Quỹ thi đua, khen thưởng cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã: Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách hàng năm. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1% (một phần trăm) chi ngân sách thường xuyên do địa phương quản lý (trừ kinh phí xây dựng cơ bản và các khoản khác theo quy định).

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể (kể cả đơn vị trực thuộc) được trích căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước đã được cấp thẩm quyền giao. Mức trích tối đa bằng 20% (hai mươi phần trăm) tổng quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được giao hàng năm.

c) Tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh dự kiến số trích quỹ thi đua, khen thưởng và tổng hợp cùng với dự toán chi thường xuyên gửi cơ quan tài chính thẩm định để thống nhất mức trích nhưng tối đa không quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc của số cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế được duyệt cả năm.

d) Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự quyết định mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng căn cứ vào khả năng tài chính của tổ chức mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và từ các nguồn thu hợp pháp khác.

đ) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Quỹ thi đua, khen thưởng được trích lập theo chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp và từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích thi đua, khen thưởng (nếu có);

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Quỹ thi đua, khen thưởng được trích từ nguồn dự toán chi ngân sách nhà nước do cơ quan chủ quản cấp trên giao; từ phần chênh lệch thu lớn hơn chi và từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích khen thưởng (nếu có). Mức trích tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của công chức, viên chức trong biên chế, hợp đồng lao động.

Điều 27. Nội dung chi thi đua, khen thưởng

1. Chi cho in giấy chứng nhận, huy hiệu, cờ thi đua, giấy khen, bằng khen, làm huy hiệu Chiến sĩ thi đua, khung khen.

2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các tập thể, cá nhân.

3. Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích không quá 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã để chi cho các nhiệm vụ sau:

a) Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh.

b) Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến; tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

c) Chi phát động các phong trào thi đua, khen thưởng theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong phạm vi địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối; chi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng.

d) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua.

Điều 28. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng cơ quan cấp nào quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý. Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.

2. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen thưởng được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

3. Đối với tập thể, cá nhân ở ngoài tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và tập thể người nước ngoài được tặng Huy hiệu, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương mức tiền thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật; trường hợp đặc biệt, tặng phẩm lưu niệm có giá trị cao hơn sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Các trường hợp khen thưởng đột xuất: gương người tốt, việc tốt, cá nhân có hành động dũng cảm hoặc đạt giải cao trong các hội thi, hội diễn... tùy theo thành tích và phạm vi tác dụng nêu gương để khen thưởng động viên, khuyến khích, mức thưởng cho từng trường hợp cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 29. Mức chi tiền thưởng

1. Cách tính tiền thưởng:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua hoặc quyết định khen thưởng.

b) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VII

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 30. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình quản lý.

3. Trưởng cụm, khối thi đua có trách nhiệm kiểm tra phong trào thi đua của cụm, khối theo giao ước thi đua đã ký kết.

Điều 31. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định tính chính xác của hồ sơ đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của cơ quan, đơn vị, địa phương mình trước khi đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với những trường hợp đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" trong thời hạn 10 ngày làm việc (trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất).

Điều 32. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng và cá nhân có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng, có hành vi vi phạm trong quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì sẽ bị xử lý theo quy định

tại Điều 96, Điều 97, Điều 98 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013.

2. Trường hợp phát hiện tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và chế độ được hưởng; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự Nhà nước mà vi phạm pháp luật hình sự, bị tòa án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và bị tuyên án tù hình thức phạt tù có thời hạn trở lên thì Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền tước danh hiệu vinh dự Nhà nước.

4. Trường hợp bị xét xử oan, sai được cơ quan nhà nước có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì cá nhân được phục hồi và trao lại danh hiệu đã bị tước.

Điều 33. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; căn cứ Luật thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thi đua, khen thưởng và Quy định này để xây dựng quy định về công tác thi đua, khen thưởng và tiêu chí đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cho các tập

BAN AN

thể thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, địa phương, đơn vị phù hợp với tình hình thực tế.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm